TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 472/2020/DS-ST
Ngày: 28-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Giang.

Bà Lê Thị Tý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân: không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 705/2019/TLST–DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trường G, sinh năm 1994. Theo giấy ủy quyền số 946/2020/UQ-TTT ngày 25/6/2020.

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: đường G, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 09/10/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là S) do người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Trường G trình bày: Ngày

19/4/2012, bà Trương Thị L có ký với S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,15%/ tháng (lãi suất trong hạn).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà L đã thanh toán cho S số tiền 8.961.000 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

S đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 23/02/2016 S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. S đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 3.844.339 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2020), bà L còn nợ S các khoản sau: nợ gốc là 3.844.339 đồng; nợ lãi quá hạn là 6.943.440 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 3.844.339 đồng với lãi suất quá hạn là 3,225%/ tháng (2,15% * 150%) từ ngày S chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình, S đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị L phải trả tổng số tiền còn nợ là 10.787.779 đồng. Yêu cầu bà L thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục thực hiện việc trả lãi phát sinh từ ngày 29/9/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tại bản tự khai ngày 03/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trương Thị L trình bày: bà xác nhận có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, với hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng. Tính đến ngày 03/8/2020, bà còn nợ S số tiền nợ gốc là 3.844.339 đồng và nợ lãi là 6.711.992 đồng. Bà L xin được trả số tiền nợ gốc hạn cuối vào ngày 31/8/2020 và xin S giảm một phần tiền lãi do hoàn hoàn cảnh khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Trương Thị L là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn bà Trương Thị L cư trú tại quận Bình

Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật và được phép cấp tín dụng tiêu dùng. Tại thời điểm ký hợp đồng, bà L đã cung cấp các giấy tờ tùy thân, ký tên vào tất cả các trang của hợp đồng từ đó thể hiện việc ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện và người ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên có hiệu lực.

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng do bà L ký ngày 19/4/2012 đã được Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phê duyệt, các tóm tắt sao kê và sự thừa nhận của các đương sự, có sở xác định S đã cấp cho bà L thẻ tín dụng số 486265-9459 với hạn mức là 10.000.000 đồng. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên S đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và khởi kiện là có căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên và phù hợp với khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Về yêu cầu trả nợ gốc: quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thống nhất số tiền nợ gốc bà L còn nợ S. Bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Do đó, S yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả nợ gốc với số tiền 3.844.339 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về yêu cầu trả tiền lãi quá hạn: S yêu cầu bà L trả tiền lãi quá hạn với mức lãi suất 3,225%/ tháng (2,15% * 150%) trên số nợ gốc 3.844.339 đồng, theo sự thỏa thuận giữa các bên tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, yêu cầu của S về việc buộc bà L có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2020) với số tiền 6.943.440 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của S. Vì vậy, S yêu cầu buộc bà L thanh toán toàn bộ số

tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chập nhận.

[7] Xét yêu cầu của S về việc yêu cầu bà L tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 28/9/2020 trên số dư nợ gốc thực nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ gốc. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng nên có cơ sở để chấp nhận.

[8] Về án phí:

- Bà Trương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bà Trương Thị L trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là 3.844.339 (ba triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi chín) đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 6.943.440 (sáu triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi) đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí:

Bà Trương Thị L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 539.389 (năm trăm ba mươi chín nghìn ba trăm tám mươi chín) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0064166 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Minh Tâm